

HOA NÔNG NỮ CHỖ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nõ tuổi :Mau giao
Tong số tre :293

Sang : Phõ bõ cõ rõt gia rau hũng hũnh tay
Sõa grow
Trõa : Cõm gõ om hũt sen cõ rõt nõõc dõõa.
Cũnh chũa cõ chũa thõm gia ñũu bũp tũm
kho thõt heo nũc ngo gũi
Mon xũo: cũi ngõt
Trũng miũng: nhõ kũo
Xe: Sõa grow
Xe chũu:Bũnh cũnh tũm tũõi thõt nũm mũõp
bũp

So Tien Tren Moi Tre 36981				
STT	Ten thõc phũm	Khoi lõõng(g)	Nõn gia(ñ/100g)	Thanh tien(ñ)
	*CHỖ			
1	Rũm (mũoi)	2,000	1,060	21,200
2	Tũm biũn	1,500	34,970	524,550
3	Tũm kho	200	78,100	156,200
4	Nõõc mũm Cũ (loũi 1)	4,000	5,940	237,600
5	Dũu thũo mũc	3,000	6,280	188,400
6	Nõõng cũt	4,000	3,880	155,200
7	Dũu mũe	1,000	3,870	38,700
8	Gũo tũ mũy	18,000	2,630	473,400
9	Hũnh lũ	1,500	5,360	80,400
10	Hũnh cũ tũõi	1,000	5,780	57,800
11	Cũ rõt	6,500	5,460	354,900
12	Nũm rũm	500	13,130	65,650
13	Cũ chũa	3,500	5,670	198,450
14	Gũa ñũu xũnh	2,500	2,520	63,000
15	Mũõp	2,000	3,990	79,800
16	Hũnh tay	500	3,570	17,850
17	Rũu hũng	100	11,870	11,870
18	Hũt sen tũõi	700	37,170	260,190
19	Cũi trũng ,cũi ngõt	4,000	4,830	193,200
20	Ñũu bũp	1,000	6,720	67,200
21	Rũu mũi tũu (ngõ gũi)	100	6,410	6,410
22	Bũnh phõ	16,000	1,820	291,200
23	Bũnh cũnh	20,000	2,200	440,000
24	Thõt lũn nũc	4,500	18,060	812,700
25	Thõt bũ loũi 1	3,000	37,800	1,134,000
26	Thõt gũ loũi 1	7,000	12,920	904,400
27	Dũõa tũ	2,000	2,940	58,800
28	Nhõ Mũy	9,500	18,900	1,795,500
29	Nõõc dũõa tũõi	4,000	2,420	96,800
Cong				8,785,370
	*XUAT KHO			
30	Sõa bũt Abbõt Grow	10,000	20,500	2,050,000
Cong				2,050,000
Tong tien thõc phũm				10,835,370 ñ
Chi phĩ khũc				0(ñ)
Tien nõõc chi trũng ngay				10841000(ñ)
Sõ dũ ñũu ngay				0(ñ)
Sõ dũ cũoi ngay				5630(ñ)
Xũũt ỏn lũy kũ tũ ñũu thũng				
Tũũu chũũũn lũy kũ tũ ñũu thũng				
Tũũu chi lũy kũ tũ ñũu thũng				